

NỘI DUNG HỌC TẬP MÔN NGỮ VĂN KHỐI 11
HỌC KỲ I, NĂM HỌC: 2021-2022 (06/12-11/12)

THỜI GIAN	NỘI DUNG KIẾN THỨC	HÌNH THỨC
Tuần 14	Ngữ cảnh	Xem nội dung bên dưới SGK
	Chủ đề: Tìm hiểu và thực hành phong cách ngôn ngữ báo chí Phần: Phong cách ngôn ngữ báo chí (2 tiết)	Xem nội dung bên dưới SGK
	Chủ đề: Tìm hiểu và thực hành phong cách ngôn ngữ báo chí Phần: Bản tin	Xem nội dung bên dưới SGK

NGŨ CẢNH

I. Khái niệm ngữ cảnh

1. Ngữ liệu

a. Câu nói “*Giờ muộn thế này mà họ chưa ra nhỉ?*” là câu nói vu vơ vì không thể xác định được:

- Các nhân vật giao tiếp: ai nói, ai nghe, vị trí xã hội của người nói, người nghe, quan hệ giữa người nói và người nghe

- Thời gian, không gian giao tiếp trong câu xuất hiện lúc nào, ở đâu

- Đối tượng được nói đến: họ là ai?

- Thời điểm của sự phủ định: “*chưa ra*” tính từ thời điểm

b. Câu ở mục I.2 SGK là câu xác định vì:

- Nhân vật xác định: câu nói đó là của chị Tý, chị Tý nói câu đó với những người cùng cảnh như mình: Liên, bác Xẩm, bác Siêu...

- Thời gian và không gian xác định: buổi tối nơi phố huyện nhỏ

- Đối tượng được nói đến xác định: Họ - mấy người phu gạo hay phu xe hoặc mấy chú lính lệ trong huyện hay người nhà thầy Thúc đi gọi chân tổ tôm...

- Thời điểm của sự phủ định: tính từ buổi tối

→ Nhờ bối cảnh trên ta mới hiểu ý nghĩa câu nói của chị Tý.

2. Khái niệm

Ngữ cảnh chính là bối cảnh ngôn ngữ, ở đó người nói (viết) sản sinh ra lời nói thích ứng, còn người nghe (đọc) căn cứ vào đó để lĩnh hội được đúng lời.

II. Các nhân tố ngữ cảnh

1. Nhân vật giao tiếp

- Khái niệm: NVGT là người tham gia vào hoạt động giao tiếp – người nói (người viết) và người nghe (người đọc)

+ Nếu chỉ có một người nói và một người nghe: song thoại

+ Nếu có nhiều người tham gia và luân phiên vai nói – nghe cho nhau: hội thoại

- Mỗi người nói và người nghe đều có một vai nhất định: vai dưới, vai trên, vai bình đẳng. Các vai này có hình thức quan hệ giao tiếp (gần gũi, khách sáo, nhiệt tình...)

2. Bối cảnh giao tiếp

a. Bối cảnh rộng

- Khái niệm: bao gồm toàn bộ những nhân tố xã hội, địa lí, chính trị, kinh tế văn hoá, phong tục tập quán... của cộng đồng sử dụng ngôn ngữ, tạo thành một môi trường ngôn ngữ, chi phối các nhân vật giao tiếp và cả quá trình sản sinh cũng như lĩnh hội lời nói.

- Đối với văn bản văn học là hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm, nó chi phối cả nội dung và hình thức ngôn ngữ của tác phẩm

b. Bối cảnh giao tiếp hẹp

- Khái niệm: là nơi chốn, thời gian phát sinh câu nói, cùng với những sự việc hiện tượng xảy ra xung quanh

- Vai trò: tạo nên những tình huống của từng câu nói.

c. Hiện thực được nói tới

- Phân loại:

+ Hiện thực bên ngoài: các sự kiện, biến cố, các sự việc, hoạt động diễn ra trong thực tế đời sống

+ Hiện thực bên trong (tâm trạng) của nhân vật giao tiếp: vui, yêu, ghét, buồn...

- Vai trò: làm nên thông tin miêu tả + thông tin bộc lộ.

3. Văn cảnh

- Khái niệm:

+ Gồm tất cả các yếu tố ngôn ngữ cùng có mặt trong văn bản, đi trước hoặc đi sau một yếu tố ngôn ngữ nào đó

+ Được xác định ở cả dạng nói và dạng viết, ở cả văn bản đơn thoại và đối thoại

- Vai trò: vừa là cơ sở cho việc sử dụng vừa là cơ sở cho việc lĩnh hội đơn vị ngôn ngữ.

III. Vai trò của ngữ cảnh

1. *Đối với quá trình sản sinh văn bản*: là môi trường sản sinh ra lời nói, câu văn
→ chi phối cả nội dung và hình thức của câu

2. *Đối với quá trình lĩnh hội văn bản*: là cơ sở để dễ dàng giải mã các phát ngôn để hiểu được các thông tin miêu tả, thông tin bộc lộ

=> Ngữ cảnh có vai trò quan trọng cả với quá trình tạo lập và quá trình lĩnh hội lời nói.

*Ghi nhớ: SGK/ tr 105.

IV. LUYỆN TẬP

*** BT1:**

- Các chi tiết trong 2 câu văn đều bắt nguồn từ hiện thực
- Câu văn xuất phát từ bối cảnh: Tin tức về kẻ địch đến đã phong thanh mười tháng nay mà lệnh quan (đánh giặc) thì vẫn còn chờ đợi. Người nông dân đã thấy rõ hình ảnh dơ bẩn của kẻ thù và căm ghét chúng mỗi khi thấy bóng dáng tàu xe của chúng.

*** BT2**

- Hai câu thơ của HXH gắn liền với tình huống giao tiếp cụ thể: đêm khuya, tiếng trống canh dồn dập mà người phụ nữ vẫn cô đơn, trơ trọi ...
- Câu thơ là sự diễn tả tình huống, còn tình huống là nội dung đề tài của câu thơ

- Ngoài sự diễn tả tình huống, câu thơ còn bộc lộ tâm sự của nhân vật trữ tình- của chính tác giả, một người phụ nữ lận đận, trắc trở trong tình duyên

*** BT3:**

- Những chi tiết trong hoàn cảnh sống của gia đình Tú Xương chính là bối cảnh tình huống cho nội dung của 6 câu thơ đầu

- VD: việc dùng thành ngữ “Một duyên hai nợ” không phải chỉ để nói nỗi vất vả của bà Tú mà xuất phát từ chính ngữ cảnh sáng tác: bà Tú phải làm để nuôi cả con và chồng.

*** BT4:**

- Hoàn cảnh sáng tác chính là ngữ cảnh: Sự kiện vào năm Đinh Dậu (1897) chính quyền mới do TDP lập nên (nhà nước) đã tổ chức cho các sĩ tử ở HN xuống thi chung ở trường Nam Định. Trong kì thi đó toàn quyền Pháp đã đến dự.

PHONG CÁCH NGÔN NGỮ BÁO CHÍ

I. Ngôn ngữ báo chí

1. Một số thể loại văn bản báo chí

- Bản tin
- Phóng sự
- Tiểu phẩm

→ Ngoài ra còn một số thể loại khác như: *Phỏng vấn, bình luận, thời sự, trao đổi ý kiến, thư bạn đọc...*

- + Phân loại báo chí theo phương tiện: *báo viết, báo nói, báo điện tử.*
- + Phân loại theo định kỳ xuất bản: *báo hàng ngày (nhật báo), báo hàng tuần (tuần báo), báo hàng tháng (nguyệt báo, nguyệt san).*
- + Phân loại theo lĩnh vực hoạt động xã hội: *Báo Văn nghệ, báo Khoa học, báo Pháp luật, báo Thương mại, báo Giáo dục Thời đại...*
- + Phân loại theo đối tượng độc giả: *báo Nhi đồng, báo Tiền phong, báo Thanh niên, báo Phụ nữ, báo Lao động...*

2. Ngôn ngữ báo chí

- Tồn tại ở 2 dạng chính: Báo viết và báo nói.
 - Ngoài ra còn: Báo hình, báo điện tử.
- Ngôn ngữ báo chí có một chức năng chung là cung cấp tin tức thời sự, phản ánh dư luận và ý kiến của quần chúng. Đồng thời nêu lên quan điểm chính kiến của tờ báo, nhằm thúc đẩy sự phát triển của xã hội.

II. Các phương tiện diễn đạt và đặc trưng của ngôn ngữ báo chí

1. Các phương tiện diễn đạt

- Các phương tiện diễn đạt trong bản tin:
 - + Về từ vựng: thường dùng danh từ chỉ địa danh, tên người, thời gian, sự kiện, ...

+ Về ngữ pháp: Câu văn thường ngắn gọn, mạch lạc, đảm bảo thông tin chính xác.

+ Về các biện pháp tu từ: Hạn chế sử dụng biện pháp tu từ.

- Các phương tiện diễn đạt trong phóng sự:

+ Về từ vựng: thường dùng nhiều từ ngữ miêu tả sự kiện, hình ảnh địa phương, nhân vật,...

+ Về ngữ pháp: Có thể viết những câu dài có kết cấu phức hợp

+ Về các biện pháp tu từ: sử dụng đa dạng các biện pháp tu từ.

- Các phương tiện diễn đạt trong tiểu phẩm:

+ Về từ vựng: thường dùng nhiều từ ngữ thân mật, gần gũi, có sắc thái mỉa mai, châm biếm.

+ Về ngữ pháp: Có thể viết những câu gần với lời nói hàng ngày

+ Về các biện pháp tu từ: sử dụng đa dạng các biện pháp tu từ.

2. Đặc trưng của ngôn ngữ báo chí

a/ Tính thông tin thời sự

- Luôn cung cấp thông tin mới nhất hàng ngày trên mọi lĩnh vực hoạt động xã hội.

- Các thông tin phải đảm bảo tính chính xác, và độ tin cậy.

b/ Tính ngắn gọn: Đặc trưng hàng đầu của ngôn ngữ báo chí. Ngắn gọn nhưng phải đảm bảo lượng thông tin cao và có tính hàm súc.

c/ Tính sinh động, hấp dẫn.

- Thể hiện ở nội dung thông tin mới mẻ, cách diễn đạt ngắn gọn, dễ hiểu, và khả năng kích thích sự suy nghĩ tìm tòi của bạn đọc.

- Thể hiện ở cách đặt tiêu đề cho bài báo.

BẢN TIN

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU CƠ BẢN CỦA BẢN TIN

1. Tìm hiểu ngữ liệu

*VD 1/SGK:

2. Khái niệm, phân loại

* **Khái niệm:** Bản tin là một thể loại của văn bản báo chí nhằm thông tin một cách chân thực, kịp thời những sự kiện thời sự có ý nghĩa trong cuộc sống.

* **Phân loại.**

- Tin vắn: Không có nhan đề, dung lượng ngắn.
- Tin thường: Thông báo ngắn gọn nhưng đầy đủ một sự kiện-> chiến tỉ lệ cao nhất.
- Tin tường thuật: Phản ánh từ đầu đến cuối sự kiện một cách chi tiết, cụ thể.
- Tin tổng hợp: Thông tin tổng hợp nhiều sự kiện xung quanh một hiện tượng nào đó

3. Mục đích, yêu cầu

- Mục đích: Nhằm thông tin một cách chân thực, kịp thời những sự kiện thời sự có ý nghĩa trong đời sống.
- Yêu cầu:
 - + Đảm bảo tính thời sự.
 - + Tin phải có ý nghĩa xã hội.
 - + Nội dung tin phải chân thực, chính xác.

II. Cách viết bản tin

1. Khai thác và lựa chọn tin

2. Viết bản tin

a/ *Đặt tiêu đề*

- Đảm bảo tính khái quát nội dung của bản tin.

- Có thể chọn cách diễn đạt đặc biệt gây hứng thú, sự tò mò cho người đọc.(
Dạng câu hỏi, cách chơi chữ, có thể là một câu, một từ...)

b/ Cách mở đầu bản tin: Thông báo khái quát về sự kiện và kết quả

c/ Cách triển khai chi tiết bản tin

- Cụ thể, chi tiết các sự kiện, giải thích nguyên nhân, kết quả tường thuật chi tiết các sự kiện.